

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: **02 /2023/HNGĐ - ST**

Ngày 10 - 4 - 2023

V/v “Ly hôn, chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát
2. Bà Hoàng Thị Chung

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Viết Chung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2022/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2022, về việc “Ly hôn, chia tài sản chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 2 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 37 /2023/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Triệu Thị C, sinh năm 1976; Có mặt
Địa chỉ: TDP T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Ông Bàn Văn M, sinh năm 1974; Có mặt
Địa chỉ: TDP T, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND huyện S; do ông Lâm Văn B – Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường là người đại diện theo ủy quyền; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND thị trấn T; do ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Cán bộ địa chính là người đại diện theo ủy quyền; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Bàn Văn T, sinh năm 1995; Có mặt
Địa chỉ: TDP T, thị trấn T, huyện S, Bắc Giang.

4. Chị Triệu Thị Ngọc A, sinh năm 1999; Vắng mặt.
Địa chỉ: TDP T, thị trấn T, huyện S, Bắc Giang.

5. Chị Bàn Thị B, sinh năm 1998; Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và những lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Triệu Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Bàn Văn M năm 1995, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là Thị trấn T), huyện S ngày 30/5/1995; cưới xong bà và ông M sinh sống với nhau tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ đầu năm 2010, do vợ chồng không hợp nhau và ông M đi ngoại tình nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, ông M đánh bà dẫn đến tình cảm ngày càng phải nhạt, tuy vẫn ở cùng nhà nhưng hai bên đã ly thân về mặt tình cảm từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông M được ly hôn nhau.

Về con chung: Bà và ông M có 02 con chung là Bàn Văn T, sinh năm 1995 và Bàn Thị B, sinh năm 1998. Hai con đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Quá trình chung sống bà và ông M cùng nhau tạo lập các tài sản sau:

Thửa đất thứ nhất: 01 thửa đất ở + đất trồng cây lâu năm, diện tích 523m² tại TDP T, thị trấn T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P188827 ngày 01/01/2002; trên đất có một ngôi nhà gỗ xây năm 2018, công trình phụ, bếp, tường bao, sân, bán mái; hiện ông M đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc thửa đất là do bà và ông M khai phá từ năm 1995 mà có, tài sản trên đất do bà và ông M tạo lập; do đó thửa đất này và tài sản trên đất chỉ có công sức chia cho bà và ông M. Về tài sản trên đất thì anh T cũng có công sức đóng góp 1 phần nhỏ không đáng kể.

Thửa đất thứ hai: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 412,1m² tại TDP T, thị trấn T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703799 ngày 29/5/2017; trên đất chỉ có chuồng vịt và ao, cây; hiện ông M đang quản lý, sử dụng.

Nguồn gốc thửa đất là do bà và ông M khai phá từ năm 1995 mà có, tài sản trên đất do bà và ông M tạo lập; do đó thửa đất này chỉ chia cho bà và ông M. Về tài sản trên đất thì anh T cũng có công sức đóng góp 1 phần nhỏ không đáng kể.

Thửa đất thứ ba: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.850,3m² tại TDP T, thị trấn T, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703798 ngày 29/5/2017; trên đất có một ngôi nhà cấp 4 rộng khoảng 50m² xây từ năm 2012, ngoài ra trên đất còn có chuồng trại chăn nuôi, cây lâm lộc, tường bao, bể nước, bếp; hiện bà đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc thửa đất là do bà và ông M khai phá từ năm 1995, tài sản trên đất do bà và ông M tạo lập; do đó thửa đất này chỉ chia cho bà và ông M. Về tài sản trên đất thì anh T, chị A cũng có công sức đóng góp 1 phần nhỏ không đáng kể.

Bà đề nghị Tòa án chia: Chia cho ông M quản lý, sử dụng thửa đất ở 523m² + nhà và tài sản trên đất; thửa đất diện tích 412,1m² là đất trồng cây lâu năm. Bà quản lý, sử dụng thửa đất trồng cây lâu năm 2.850,3m² + nhà và tài sản trên đất; không ai phải thanh toán trả tiền cho nhau gì nữa. Anh T, chị A và chị B không có công sức không được chia.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn ông Bàn Văn M xác nhận một phần lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Triệu Thị C năm 1995, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là Thị trấn T), huyện S ngày 30/5/1995; cưới xong ông và bà C sinh sống với nhau tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ đầu năm 2010, do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do bà C nghi ngờ ông ngoại tình dẫn đến tình cảm ngày càng phải nhạt, tuy vẫn ở cùng nhà nhưng hai bên đã ly thân về mặt tinh cảm từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà C được ly hôn nhau ông nhất trí.

Về con chung: Ông và bà C có 02 con chung là Bàn Văn T, sinh năm 1995 và Bàn Thị B, sinh năm 1998. Hai cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Quá trình chung sống ông và bà C cùng nhau tạo lập các tài sản sau:

Thửa đất thứ nhất: 01 thửa đất ở, diện tích 523m² tại TDP T, thị trấn T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P188827 ngày 01/01/2002; trên

đất có một ngôi nhà gỗ xây năm 2018, công trình phụ, bếp, tường bao, sân, bán mái; hiện ông đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc thửa đất là do bố ông cho cá nhân ông năm 1995 khi lấy bà C, tài sản trên đất do ông và bà C cùng tạo lập; do đó, thửa đất này là của ông không chia cho ai, tài sản chỉ có công sức chia cho ông và bà C. Về tài sản trên đất thì anh T cũng có công sức đóng góp 1 phần nhỏ không đáng kể.

Thửa đất thứ hai: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 412,1m² tại TDP T, thị trấn T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703799 ngày 29/5/2017; trên đất chỉ có chuồng vịt và ao, cây; hiện ông đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc thửa đất là do ông tự khai phá mà có năm 1995, tài sản trên đất do ông và bà C cùng tạo lập; do đó, thửa đất này là của ông không chia cho ai, tài sản chỉ có công sức chia cho ông và bà C. Về tài sản trên đất thì anh T cũng có công sức đóng góp 1 phần nhỏ không đáng kể.

Thửa đất thứ ba: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.850,3m² tại TDP T, thị trấn T, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703798 ngày 29/5/2017; trên đất có một ngôi nhà cấp 4 rộng khoảng 50m² xây từ năm 2012, ngoài ra trên đất còn có chuồng trại chăn nuôi, cây lâm lộc, tường bao, bể nước, bếp; hiện bà C đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc thửa đất là do ông tự khai phá khi lấy bà C; do đó, thửa đất này chỉ có ông được quyền sử hữu không chia cho ai, tài sản trên đất chỉ có công sức chia cho ông và bà C nên chia cho hai người, các con công sức đóng góp không đáng kể nên không được chia.

Ông đề nghị Tòa án chia: Chia cho ông quản lý, sử dụng thửa đất ở 523m² + nhà và tài sản trên đất; thửa đất diện tích 412,1m² đất trồng cây lâu năm và 01 phần thửa đất bà C đang quản lý. Bà C quản lý, sử dụng 01 phần thửa đất trồng cây lâu năm 2.850,3m² + nhà và tài sản trên đất. Không ai phải thanh toán trả tiền cho nhau nữa.

Ngoài ông không có yêu cầu gì khác.

3. Lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- *Lời trình bày của anh Bàn Văn T, chị Triệu Thị Ngọc A, chị Bàn Thị B (con ông M, bà C):* Các anh, chị đều xác định gia đình có những tài sản như sau:

Thửa đất thứ nhất: 01 thửa đất ở, diện tích 523m² tại TDP T, thị trấn T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P188827 ngày 01/01/2002 cấp cho hộ ông Bàn Văn M; trên đất có một ngôi nhà gỗ xây năm 2018, công trình phụ, bếp, tường bao, sân, bán mái.

Thửa đất thứ hai: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 412,1m² tại TDP T, thị trấn T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703799 ngày 29/5/2017 cấp cho ông Bàn Văn M.

Thửa đất thứ ba: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.850,3m² tại TDP T, thị trấn T, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703798 ngày 29/5/2017 mang tên ông Bàn Văn M; trên đất có một ngôi nhà cấp 4 rộng khoảng 50m² xây từ năm 2012, ngoài ra trên đất còn có chuồng trại chăn nuôi, cây lâm lộc, tường bao, bể nước, bếp.

Các anh, chị đều xác định là quá trình hình thành các tài sản trên thì anh chị còn nhỏ nên có phần công sức đóng góp không đáng kể nên không yêu cầu được phân chia; Các anh, chị đề nghị Tòa án xem xét phân chia cho ông M, bà C theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn 1 số tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt gia đình, xe máy, chuồng vịt, ao, cây lâm lộc và 1 số tài sản khác trên đất các đương sự trong vụ án tự phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án.

- Quan điểm của UBND thị trấn T và UBND huyện S:

Tại thời điểm lập hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể gia đình ông M chỉ kê khai, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 315m², diện tích đất còn lại 208m² gia đình chưa đề nghị kê khai nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện gia đình ông M quản lý, sử dụng ổn định; quá trình sử dụng đã làm công trình xây dựng, trồng cây trên đất nhiều năm; do đó, UBND huyện xác định là loại đất trồng cây lâu năm.

Diện tích đất 208m² đất trồng cây lâu năm chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là do gia đình tự khai phá mà có, gia đình đã quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến nay. Tuy diện tích đất này gia đình chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đất không có tranh chấp và sử dụng ổn định nên hộ gia đình ông M được quyền quản lý, sử dụng là hợp pháp. Nếu sau này gia đình ông M đề nghị điều chỉnh diện tích đất này vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản:

Tài sản xem xét, thẩm định: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.850,3m²; tài sản trên đất có một ngôi nhà cấp 4 lợp ngói 61,2m², 01 nhà bếp xây cay, lợp ngói 16,64m²; 01 chuồng lợn 83,6m²; 01 chuồng lợn 32,1m²; 01 chuồng lợn 42,5m²; 01 chuồng gà xây chân, khung sắt mái tôn 62m²; 150 cây bưởi diều có tán rộng 03m; 01 bể nước 11m³; tường bao xây cay 343,694m². 01 thửa đất ở + đất trồng cây lâu năm, diện tích 523m²; tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà gỗ thường kê chuyền, xây tường bao lợp ngói diện tích 139,3m²; sân gạch men 129m²; sân gạch 32m²; 01 nhà bếp + nhà vệ sinh đổ trần lợp mái tôn diện tích 31,3m²; 01 cổng sắt hộp 3,4m²; 01 cổng sắt sơn tĩnh điện 7,1m²; 01 cổng đổ trụ, lợp ngói 11,3m²;

Tường bao xây cây, lan can bê tông đúc 43,84m²; Tường cây vữa 46,2m²; tôn lạnh bán mái 52,6m². 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 412,1m².

Kết quả định giá: Đất ở = 6.350.000đ/m²; đất trồng cây lâu năm = 800.000đ/m²; nhà cấp 4 = 1.100.000đ/m²; nhà gỗ kê chuyễn = 5.500.000đ/m²; sân gạch men = 220.000đ/m²; sân gạch đỏ = 120.000đ/m²; bán mái tôn lạnh = 280.000đ/m²; cổng sắt hộp = 190.000đ/m²; Cổng sắt sơn tĩnh điện = 650.000đ/m²; cổng đổ trụ lợp ngói = 300.000đ/m²; tường gạch xây cây vữa = 120.000đ/m²; tường xây có lan can = 400.000đ/m²; nhà bếp, nhà vệ sinh đổ trần = 1.200.000đ/m²; nhà bếp lợp ngói = 550.000đ/m²; bể nước = 650.000đ/m³; tường xây cây = 130.000đ/m²; chuồng lợn = 220.000đ/m²; cây bưởi = 700.000đ/cây.

5. Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Căn cứ vào các Điều 33, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, 59, 60 và 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 219, khoản 1 Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Khoản 4, Điều 147; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Triệu Thị C và ông Bàn Văn M thuận tình hôn nhau.

2. Về con chung: Ông M, bà C 02 con chung là Bàn Văn T, sinh năm 1995 và cháu Bàn Thị B, sinh năm 1998. Anh T, chị B đã trưởng thành và đã lập gia đình nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Giao cho bà Triệu Thị C được quản lý, sử dụng, sở hữu gồm: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.850,3m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703798 ngày 29/5/2017 mang tên ông Bàn Văn M; Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 61,2m²; 01 nhà bếp xây cây, lợp ngói diện tích 16,64m²; 01 chuồng lợn diện tích 83,6m²; 01 chuồng lợn diện tích 32,1m²; 01 chuồng lợn diện tích 42,5m²; 01 chuồng gà xây bao chân, khung sắt mái tôn diện tích 62m²; 150 cây bưởi diều có tán rộng 03m; 01 bể nước diện tích 11m³; tường bao xây cây 343,694m². Tổng giá trị tài sản = 2.561.985.000đ.

Giao cho ông Bàn Văn M được quản lý, sử dụng, sở hữu gồm: 01 thửa đất ở + đất trồng cây lâu năm, diện tích 523m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P188827 ngày 01/01/2002 cấp cho hộ ông Bàn Sinh M; Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà gỗ thường kê chuyễn, xây tường bao lợp ngói diện

tích 139,3m²; sân gạch men diện tích 129m²; sân gạch diện tích 32m²; 01 nhà bếp + nhà vệ sinh đổ trần lợp mái tôn diện tích 31,3m²; 01 cổng sắt hộp 3,4m²; 01 cổng sắt sơn tĩnh điện 7,1m²; 01 cổng đổ trụ, lợp ngói 11,3m²; Tường bao xây cay, lan can bê tông đúc 43,84m²; Tường cay vữa 46,2m²; tôn lạnh bán mái 52,6m². 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 412,1m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703799 ngày 29/5/2017 mang tên ông Bàn Văn M. Tổng giá trị tài sản = 3.378.287.000đ.

3. Về án phí: Bà C, ông M là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 13.672.000đ; bà C, ông M mỗi người chịu 1/2 = 6.836.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Bà Triệu Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Bàn Văn M; hiện bà C, ông M đang cư trú tại huyện Sơn Động. Xét đây là tranh chấp về “Ly hôn, chia tài sản chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn B, ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Triệu Thị Ngọc A, chị Bàn Thị B vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Triệu Thị C kết hôn với ông Bàn Văn M năm 1995, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là Thị trấn T), huyện Sơn Động không có số ngày 30/3/1995; cưới xong bà C và ông M chung sống với nhau tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện S, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa ông M với bà C là hợp pháp.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình*”.

Quá trình chung sống thì mâu thuẫn xảy ra từ đầu năm 2010, do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và hai bên đã ly thân mỗi người ở một nhà từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa; bà C cho rằng ông M đi ngoại tình nhưng không đưa ra được chứng cứ. Bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông M được ly hôn nhau; bị đơn ông M nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà C và ông M đã xảy ra và hai bên sống ly thân một thời gian dài mà không đoàn tụ được; hai bên không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm chăm sóc đến nhau và cùng nhau chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Bà C xin ly hôn ông M đồng ý; do đó, Hội đồng xét xử công nhận bà C và ông M thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Ông M và bà C có 02 con chung là Bàn Văn T, sinh năm 1995 và Bàn Thị B, sinh năm 1998. Hiện anh T, chị B đều đã trưởng thành và lập gia đình nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Các thành viên trong gia đình gồm bà C, ông M, anh T, chị B và chị A đều xác định gia đình có những tài sản như sau:

Thửa đất thứ nhất: 01 thửa đất ở, diện tích 523m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P188827 ngày 01/01/2002 cấp cho hộ ông Bàn Sinh M; trên đất có một ngôi nhà gỗ xây năm 2018, công trình phụ, bếp, tường bao, sân, bán mái.

Thửa đất thứ hai: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 412,1m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703799 ngày 29/5/2017 cấp cho ông Bàn Văn M.

Thửa đất thứ ba: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.850,3m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703798 ngày 29/5/2017 mang tên ông Bàn Văn M; trên đất có một ngôi nhà cấp 4; chuồng trại chăn nuôi, cây lâm lộc, tường bao, bể nước, bếp.

Ngoài ra còn 1 số tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt gia đình, xe máy, chuồng vịt, ao, cây lâm lộc và 1 số tài sản khác trên đất các đương sự tự phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án.

Tổng giá trị tài sản bà C, ông M yêu cầu giải quyết là 5.940.137.000đ.

Ý kiến các đương sự về nguồn gốc tài sản và quan điểm phân chia:

Ý kiến ông M: Nguồn gốc thửa đất 523m² là do bố mẹ ông cho vợ chồng ông; các thửa đất còn lại là do ông tự khai phá mà có; bà C không có công khai phá, chỉ có công đóng góp tạo lập tài sản trên đất; anh T, chị A và chị B còn nhỏ không có công sức đóng góp về tài sản. Do đó, chia cho ông quản lý, sử dụng thửa

đất ở 523m²+ nhà và tài sản trên đất; thửa đất diện tích 412,1m² đất trồng cây lâu năm và 01 phần thửa đất 2.850,3m² bà C đang quản lý, sử dụng. Bà C quản lý, sử dụng 01 phần thửa đất trồng cây lâu năm 2.850,3m²+ nhà và tài sản trên đất, ông và bà C không ai phải thanh toán trả tiền cho nhau gì nữa. Anh T, chị A và chị B không có công sức đóng góp nên không được phân chia.

Ý kiến bà C: Nguồn gốc các thửa đất là do bà và ông M khai phá cùng tài sản trên đất do bà và ông M cùng nhau tạo lập mà có; về tài sản trên đất thì anh T, chị A và chị B còn nhỏ không có công sức đóng góp đáng kể. Do đó, chia cho ông M quản lý, sử dụng thửa đất ở 523m²+ nhà và tài sản trên đất; thửa đất diện tích 412,1m² đất trồng cây lâu năm. Bà được chia quản lý, sử dụng thửa đất trồng cây lâu năm 2.850,3m²+ nhà và tài sản trên đất. Không ai phải thanh toán trả tiền cho nhau gì nữa, nếu phần tài sản ông M là vật được chia nhiều hơn bà không yêu cầu ông M trả tiền chênh lệch. Anh T, chị A và chị B có công sức đóng góp không đáng kể nên không được phân chia.

Ý kiến anh T, chị B và chị A: Không yêu cầu được phân chia, do có công sức đóng góp không đáng kể.

Căn cứ vào giá trị tài sản, tài sản các bên đang quản lý và ý kiến của ông M, bà C, anh T, chị B, chị A về phân chia tài sản Hội đồng xét xử thấy:

Về nguồn gốc 03 thửa đất+ tài sản trên đất thì ông M và bà C đều cùng có công khai phá, tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ý kiến ông M đưa ra 03 thửa đất là do bố mẹ ông cho và do ông tự khai phá khi ở cùng với bà C là không có căn cứ chấp nhận, ý kiến bà C trình bày về tài sản là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu chia tài sản: Ông M yêu cầu được chia phần 02 thửa đất và một phần thửa đất 2.850,3m² là không phù hợp nên chỉ được chấp nhận một phần; ý kiến bà C đưa ra là phù hợp nên được chấp nhận; Anh T, chị B và chị A không yêu cầu được phân chia; Do đó tài sản được chia cho ông M, bà C như sau:

Giao cho bà Triệu Thị C được quản lý, sử dụng, sở hữu gồm: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.850,3m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703798 ngày 29/5/2017; tài sản trên đất có một ngôi nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 61,2m², 01 nhà bếp xây cay, lợp ngói diện tích 16,64m²; 01 chuồng lợn diện tích 83,6m²; 01 chuồng lợn diện tích 32,1m²; 01 chuồng lợn diện tích 42,5m²; 01 chuồng gà xây chân cay, khung sắt mái tôn diện tích 62m²; 150 cây bưởi diên có tán rộng 03m; 01 bể nước 11m³; tường bao xây cay 343,694m². Tổng giá trị tài sản bà C được chia = 2.561.985.000đ.

Giao cho ông Bàn Văn M được quản lý, sử dụng, sở hữu gồm: 01 thửa đất ở + đất trồng cây lâu năm, diện tích 523m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P188827 ngày 01/01/2002; tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà gỗ thường kê chuyền, xây tường bao lợp ngói diện tích 139,3m²; sân gạch men diện

tích 129m²; sân gạch diện tích 32m²; 01 nhà bếp + nhà vệ sinh đồ trần lợp mái tôn diện tích 31,3m²; 01 cổng sắt hộp 3,4m²; 01 cổng sắt sơn tĩnh điện 7,1m²; 01 cổng đồ trụ, lợp ngói 11,3m²; Tường bao xây cay, lan can bê tông đúc 43,84m²; Tường cay vữa 46,2m²; tôn lạnh bán mái 52,6m². 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 412,1m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703799 ngày 29/5/2017. Tổng giá trị tài sản ông M được chia = 3.385.598.000đ.

Giá trị tài sản ông M được nhận nhiều hơn bà C, nhưng do bà C tự nguyện không có yêu cầu ông M phải trả tiền chênh lệch chia tài sản nên ông M được nhận phần nhiều hơn.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bà C, ông M là người dân tộc thiểu số (Dao) thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí DSST ly hôn và án phí chia tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án..

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 13.672.000đ; bà C, ông M mỗi người chịu 1/2 = 6.836.000đ. Số tiền này do bà C nộp nên được trừ đi phần của bà C; ông M phải chịu 6.836.000đ, số tiền ông M nộp trả cho bà C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, 59, 60 và 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 219, khoản 1 Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Khoản 4, Điều 147; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Triệu Thị C và ông Bàn Văn M thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho bà Triệu Thị C được quản lý, sử dụng, sở hữu gồm: 01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.850,3m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703798 ngày 29/5/2017 mang tên ông Bàn Văn M. Tài sản trên đất có một ngôi nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 61,2m², 01 nhà bếp xây cay, lợp ngói diện tích 16,64m²; 01 chuồng lợn diện tích 83,6m²; 01 chuồng lợn diện tích 32,1m²; 01 chuồng lợn diện tích 42,5m²; 01 chuồng gà xây chân cay, khung sắt mái tôn diện tích 62m²; 150 cây bưởi diển có tán rộng 03m; 01 bể nước 11m³; tường bao xây cay 343,694m². Tổng giá trị tài sản bà C được chia là 2.561.985.000đ (Hai tỉ, năm trăm sáu mươi một triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn).

3.2. Giao cho ông Bàn Văn M được quản lý, sử dụng, sở hữu gồm:

01 thửa đất ở + đất trồng cây lâu năm, diện tích 523m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P188827 ngày 01/01/2002 cấp cho hộ ông Bàn Sinh M (trong đó có 315m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 208m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà gỗ thường kẻ chuyên, xây tường bao lợp ngói diện tích 139,3m²; sân gạch men diện tích 129m²; sân gạch đỏ diện tích 32m²; 01 nhà bếp + nhà vệ sinh đồ trần lợp mái tôn diện tích 31,3m²; 01 cổng sắt hộp 3,4m²; 01 cổng sắt sơn tĩnh điện 7,1m²; 01 cổng đồ trụ, lợp ngói 11,3m²; Tường bao xây cay, lan can bê tông đúc 43,84m²; Tường xây vữa 46,2m²; tôn lạnh bán mái 52,6m².

01 thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 412,1m² tại TDP T, thị trấn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG703799 ngày 29/5/2017 mang tên ông Bàn Văn M.

Tổng giá trị tài sản ông M được chia là 3.385.598.000đ (Ba tỉ, ba trăm tám mươi năm triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn).

Có sơ đồ đo vẽ kèm theo.

4. Về án phí: Bà Triệu Thị C, ông Bàn Văn M được miễn toàn bộ án phí DSST ly hôn và án phí chia tài sản.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Bàn Văn M, bà Triệu Thị C mỗi người chịu 6.836.000đ, xác nhận bà C đã nộp đủ số tiền này; số tiền ông M nộp trả cho bà C.

Án xử sơ thẩm; báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn Tây Yên Tử;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn

